

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019  
đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

R  
S  
M

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

330  
C  
M  
P  
N

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 12/03/2019)
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hồng Phong	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc ngày 12/03/2019)
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Việt Linh	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem tiếp trang sau)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 03 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Hồng Phong**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Số: 19.644HN/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 06 năm 2019 từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

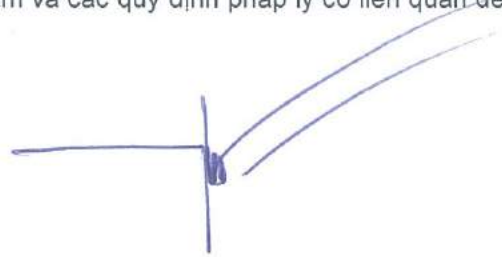
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 03 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Đặng Thị Hồng Loan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2018-026-1

---

**Trịnh Thanh Thanh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2820-2015-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>459.791.256.484</b>	<b>615.035.064.706</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>59.078.645.382</b>	<b>56.955.209.492</b>
1. Tiền	111		58.856.645.382	55.314.082.492
2. Các khoản tương đương tiền	112		222.000.000	1.641.127.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>13.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	13.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>304.578.354.375</b>	<b>452.241.719.999</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	204.910.878.312	354.193.639.353
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	22.728.561.019	12.871.391.568
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.300.000.000	800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	78.146.377.680	86.884.151.714
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.507.462.636)	(2.507.462.636)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.6	<b>92.620.583.669</b>	<b>89.859.840.857</b>
1. Hàng tồn kho	141		92.628.021.467	89.867.278.655
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.437.798)	(7.437.798)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.513.673.058</b>	<b>2.978.294.358</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.165.401.283	897.430.312
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		784.091.139	905.838.703
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	1.564.180.636	1.175.025.343
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>196.393.214.950</b>	<b>133.878.457.277</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>72.937.867.943</b>	<b>793.832.301</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	72.446.232.597	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		491.635.346	793.832.301
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.327.747.754</b>	<b>63.470.003.955</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	70.736.950.026	52.773.111.734
Nguyên giá	222		183.715.709.897	164.345.700.631
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.978.759.871)	(111.572.588.897)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	9.096.581.547	10.257.870.024
Nguyên giá	225		13.935.461.726	13.935.461.726
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.838.880.179)	(3.677.591.702)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	2.494.216.181	439.022.197
Nguyên giá	228		3.870.645.675	1.769.488.454
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.376.429.494)	(1.330.466.257)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	4.10	<b>3.170.794.688</b>	<b>30.737.347.990</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.170.794.688	30.737.347.990
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>6.116.820.310</b>	<b>6.175.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.577.165.254	5.860.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		600.000.000	315.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(60.344.944)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.839.984.255</b>	<b>32.702.273.031</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	31.655.784.185	32.419.567.193
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		184.200.070	282.705.838
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>656.184.471.434</b>	<b>748.913.521.984</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>531.230.411.432</b>	<b>606.700.660.936</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>516.141.876.247</b>	<b>602.568.928.826</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	95.840.152.125	215.825.096.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	40.938.352.060	35.959.100.561
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	5.428.416.807	8.390.862.706
4. Phải trả người lao động	314		161.921.750	4.834.641.566
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	5.518.174.289	6.130.121.661
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	6.334.121.881	6.072.816.674
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	7.386.904.549	9.970.802.718
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	354.533.832.786	315.385.486.137
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.088.535.185</b>	<b>4.131.732.110</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.12	11.464.261.987	-
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.15	145.158.188	127.219.542
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	3.258.378.990	4.004.512.568
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		220.736.020	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>124.954.060.002</b>	<b>142.212.861.048</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.19.1	<b>124.954.060.002</b>	<b>142.212.861.048</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.19.2	98.999.060.000	98.999.060.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		98.999.060.000	98.999.060.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.440.139.770	3.440.139.770
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.124.953.938	25.734.994.043
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		12.160.517.952	14.098.630.995
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.035.564.014)	11.636.363.048
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.389.906.294	14.038.667.235
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>656.184.471.434</b>	<b>748.913.521.984</b>



Lê Hồng Phong  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Nam  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019	Năm 2018 (Xem TM số 11)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	186.887.446.250	984.110.906.401
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.130.909	494.004.743
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		186.878.315.341	983.616.901.658
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	152.671.418.500	846.497.269.900
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.206.896.841	137.119.631.758
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	433.423.376	3.555.106.739
7. Chi phí tài chính	22	5.4	5.482.486.075	21.228.783.862
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.378.419.625	19.988.975.869
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	5.5	(1.057.834.746)	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	11.715.239.129	35.684.670.458
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	18.951.370.608	79.523.580.674
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.566.610.341)	4.237.703.503
12. Thu nhập khác	31	5.8	588.626.598	12.142.853.944
13. Chi phí khác	32		711.786.115	1.175.578.050
14. Lợi nhuận khác	40		(123.159.517)	10.967.275.894
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.689.769.858)	15.204.979.397
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	675.313.309	1.347.607.091
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		319.241.788	98.277.847
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.684.324.955)	13.759.094.460
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(3.035.564.014)	11.636.363.048
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(648.760.941)	2.122.731.412
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.5	(307)	1.234
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.5	(307)	1.234



**Lê Hồng Phong**  
**Tổng giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

**Bùi Thị Thúy Hồng**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Ngọc Nam**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019	Năm 2018 (Xem TM số 11)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		(2.689.769.858)	15.204.979.397
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	8.544.495.644	30.883.303.687
Các khoản dự phòng	03		60.344.944	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(30.177.113)	(280.323.460)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		449.428.695	(2.840.281.915)
Chi phí lãi vay	06	5.4	5.378.419.625	19.988.975.869
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>11.712.741.937</b>	<b>62.956.653.579</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		100.231.240.732	(19.533.396.584)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.760.742.812)	(54.611.276.792)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(138.668.844.752)	55.854.309.980
Tăng giảm chi phí trả trước	12		495.812.037	(7.378.623.767)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		13.000.000.000	(13.000.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.378.419.625)	(19.988.975.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(1.118.964.373)	(3.485.880.527)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(1.003.308.261)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(22.487.176.855)</b>	<b>(190.498.241)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.000.000)	(48.646.191.775)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		203.166.363	6.078.716.568
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(500.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	110.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.060.000.000)	(6.175.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.150.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		405.876.051	3.092.368.486
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(984.957.586)</b>	<b>(44.690.106.721)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019	Năm 2018 (Xem TM số 11)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.200.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	217.860.315.095	758.650.562.318
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(178.687.028.446)	(698.678.184.336)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(771.073.578)	(6.821.714.846)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.801.394.284)	(10.518.964.125)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>25.600.818.787</b>	<b>43.831.699.011</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.128.684.346</b>	<b>(1.048.905.951)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		56.955.209.492	58.010.548.583
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.248.456)	(6.433.140)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>59.078.645.382</b>	<b>56.955.209.492</b>
<b>(70 = 50+60+61)</b>				



**Lê Hồng Phong**  
**Tổng giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

**Bùi Thị Thúy Hồng**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Ngọc Nam**  
**Người lập**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2019.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 98.999.060.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/03/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	18.878.930.000	19,07	18.878.930.000	19,07
Cổ đông khác	Việt Nam	80.120.130.000	80,93	80.120.130.000	80,93
<b>Cộng</b>		<b>98.999.060.000</b>	<b>100,00</b>	<b>98.999.060.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b- 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2019 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trì - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/03/2019 là 331 (01/01/2019 là: 319).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gởi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

**1.5. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	Gian hàng số T3-B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, số 92, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	71%	71%
2.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	Tầng 8, Tòa nhà Loyal, số 151 đường Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	73%	73%
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60%	60%
4.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	61%	61%
5.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	90%
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	97,83%
7.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas	61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	46,56%
2.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	28,82%
3.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	78,95%
4.	Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Số 54a ngõ 218 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20%	3,65%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03; riêng kỳ kế toán chuyển đổi bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ.

***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **2.5 Cơ sở hợp nhất (Tiếp theo)**

#### ***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

#### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **3.4. Nợ phải thu**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

##### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của HĐQT dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **3.5. Đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

#### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

##### ***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

##### ***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

### **3.6. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

**Từ ngày**  
**01/01/2019 đến**  
**ngày 31/03/2019**

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 15 năm      |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 03 – 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 03 – 06 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 02 – 05 năm |

### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### **3.9. Thuê tài sản**

#### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### ***Thuê tài chính***

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.9. Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là 3 năm.

### **3.10. Cho thuê tài sản**

#### ***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

### **3.11. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

#### ***Nguyên tắc phân chia doanh thu của hợp đồng:***

Bên cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

### **3.13. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí thành lập doanh nghiệp, giá vốn công cụ, dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được phân bổ theo thời hạn thuê trong 30 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.14. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.15. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### **3.16. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

### **3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.18. Doanh thu và thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.18. Doanh thu và thu nhập khác (Tiếp theo)**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

### **3.19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

### **3.20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.21. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### **3.22. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### **3.23. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 là 20%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.23. Thuế (Tiếp theo)**

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.23. Thuế (Tiếp theo)**

#### *Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Tập đoàn được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Tập đoàn được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4234430517 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 07 năm 2017, Tập đoàn thực hiện dự án "Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống" tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Tập đoàn có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Tập đoàn được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm 2017) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm 2021);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019, Tập đoàn lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.26. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.27. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	32.528.686.589	9.002.755.860
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.327.958.793	46.311.326.632
Các khoản tương đương tiền	222.000.000	1.641.127.000
<b>Cộng</b>	<b>59.078.645.382</b>	<b>56.955.209.492</b>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất 5,0%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ Phần Công nghệ Mideas	2.400.000.000	1.605.091.661	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	1.960.000.000	1.299.864.472	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.875.000.000	2.672.209.121	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.635.000.000</b>	<b>5.577.165.254</b>	<b>5.860.000.000</b>	<b>5.860.000.000</b>

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh	600.000.000	(60.344.944)	315.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>600.000.000</b>	<b>(60.344.944)</b>	<b>315.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	528.000.000	462.000.000
Phải thu khách hàng:		
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	36.203.153.580	36.203.153.580
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	31.681.287.480	14.283.173.175
Công ty Cổ phần Thương Mại - Dịch Vụ Phong Vũ	10.323.836.900	-
Công ty Cổ phần VinID	13.063.413.000	627.027.500
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST	10.055.941.150	41.312.890.250
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	9.120.862.000	9.120.862.000
Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	7.180.295.100	11.071.549.500
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương Mại Phần Mềm Quang Trung	5.038.504.020	3.659.041.760
Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam - Vũng Tàu	1.879.936.389	7.999.188.390
Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam Trung tâm Sản xuất và Kinh doanh Nội dung Số Đài Truyền hình Việt Nam	1.281.382.001	379.652.871
Ban Khách hàng Tổ chức Doanh nghiệp - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	649.985.373	2.245.051.371
Công ty Cổ phần Đầu Tư Đèo Cả	537.192.967	3.470.616.094
Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài - Chi Nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	-	72.446.232.597
Các khách hàng khác	-	8.992.280.273
	77.367.088.352	141.920.919.992
<b>Cộng</b>	<b>204.910.878.312</b>	<b>354.193.639.353</b>
Dài hạn:		
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	72.446.232.597	-
<b>Cộng</b>	<b>72.446.232.597</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bò Câu	2.166.893.244	2.166.893.244
Vertika Helio Communications Inc	2.750.918.800	-
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	3.646.784.323	-
Công ty Cổ phần Tư vấn, Ứng dụng và Phát triển Công Nghệ	1.477.800.000	-
Uromax (Singapore) Pte., Ltd	1.033.923.421	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Hoàng Giang	600.000.000	-
Công ty TNHH Vi tính Nguyễn Kim	702.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm và Hỗ trợ Công nghệ	302.872.016	1.166.079.956
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	106.054.214	106.054.214
ler Pte Ltd	-	1.519.927.804
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Hưng Phát	-	28.162.216
Các nhà cung cấp khác	9.941.315.001	7.884.274.134
<b>Cộng</b>	<b>22.728.561.019</b>	<b>12.871.391.568</b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	4.435.998.342	-	5.107.950.479	-
Ký cược, ký quỹ	65.911.274.126	-	71.566.906.443	-
Phải thu khác	7.799.105.212	-	10.209.294.792	-
<b>Cộng</b>	<b>78.146.377.680</b>	<b>-</b>	<b>86.884.151.714</b>	<b>-</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	173.650.000	-	4.391.532.578	-
Hàng tại kho Tập đoàn	9.703.465.928	(7.437.798)	7.764.425.073	(7.437.798)
Hàng đã xuất kho triển khai	70.431.375.384	-	58.439.743.397	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	54.393.175	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	768.950.544	-	768.950.544	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.663.870.495	-	3.905.089.993	-
Công cụ, dụng cụ	9.262.959	-	9.262.959	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.823.052.982	-	14.533.880.936	-
<b>Cộng</b>	<b>92.628.021.467</b>	<b>(7.437.798)</b>	<b>89.867.278.655</b>	<b>(7.437.798)</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	16.424.505.655	119.186.474.500	27.568.554.835	1.166.165.641	164.345.700.631
Mua trong kỳ	-	34.000.000	-	-	34.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	17.920.675.253	7.346.406.969	-	-	25.267.082.222
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.931.072.956)	-	-	(5.931.072.956)
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>34.345.180.908</b>	<b>120.635.808.513</b>	<b>27.568.554.835</b>	<b>1.166.165.641</b>	<b>183.715.709.897</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	7.639.555.275	83.920.588.435	19.164.123.914	848.321.273	111.572.588.897
Khấu hao trong kỳ	404.835.900	5.977.806.495	860.584.748	94.016.787	7.337.243.930
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.931.072.956)	-	-	(5.931.072.956)
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>8.044.391.175</b>	<b>83.967.321.974</b>	<b>20.024.708.662</b>	<b>942.338.060</b>	<b>112.978.759.871</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	8.784.950.380	35.265.886.065	8.404.430.921	317.844.368	52.773.111.734
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>26.300.789.733</b>	<b>36.668.486.539</b>	<b>7.543.846.173</b>	<b>223.827.581</b>	<b>70.736.950.026</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 8.492.118.700 VND – Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.356.934.050 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	1.769.488.454	-	1.769.488.454
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	2.101.157.221	2.101.157.221
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>1.769.488.454</b>	<b>2.101.157.221</b>	<b>3.870.645.675</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2019	1.330.466.257	-	1.330.466.257
Khấu hao trong kỳ	45.963.237	-	45.963.237
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>1.376.429.494</b>	<b>-</b>	<b>1.376.429.494</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	439.022.197	-	439.022.197
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>393.058.960</b>	<b>2.101.157.221</b>	<b>2.494.216.181</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.217.929.640 VND.

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/03/2019 VND
Nguyên giá	13.935.461.726	-	-	13.935.461.726
Giá trị hao mòn lũy kế	(3.677.591.702)	(1.161.288.477)	-	(4.838.880.179)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>10.257.870.024</b>			<b>9.096.581.547</b>

**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Dự án Viva Riverside	1.157.446.038	444.105.336
Dự án Chung cư Tân Bình	397.796.296	397.796.296
Dự án Pegasuite I	269.481.055	2.083.962.597
Công trình văn phòng Hà Nội	-	27.079.955.621
Khác	1.346.071.299	731.528.140
<b>Cộng</b>	<b>3.170.794.688</b>	<b>30.737.347.990</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tại ngày 31/03/2019 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2019 VND</b>
Quyền sử dụng đất	7.846.731.853	7.940.892.634
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.316.742.813	6.121.004.373
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.116.156.011	1.296.234.571
Chi phí trả trước cho các dự án	10.732.138.995	-
Chi phí thuê dịch vụ, thiết bị	-	5.569.716.721
Các khoản khác	6.644.014.513	11.491.718.894
<b>Cộng</b>	<b><u>31.655.784.185</u></b>	<b><u>32.419.567.193</u></b>

Trong đó, quyền sử dụng đất tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 7.846.731.853 VND – Xem thêm mục 4.18.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/03/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND			
Ngân hạn:				
Polaris Technologic Pty Ltd	23.279.641.624	23.279.641.624	59.643.750.506	59.643.750.506
Avu Pty Ltd	13.690.538.495	13.690.538.495	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	11.150.660.800	11.150.660.800	14.150.660.800	14.150.660.800
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ A1	8.842.624.087	8.842.624.087	8.842.624.087	8.842.624.087
Cisco International Limited	4.818.039.533	4.818.039.533	13.365.690.272	13.365.690.272
Công ty Cổ phần Công nghệ ELITE	624.628.230	624.628.230	21.350.212.471	21.350.212.471
Công ty TNHH Viettel – CHT	512.470.060	512.470.060	903.241.991	903.241.991
Ban khách hàng tổ chức doanh nghiệp - Chi nhánh Tổng	297.260.621	297.260.621	2.310.310.312	2.310.310.312
Công ty Dịch vụ Viễn Thông	-	-	15.347.232.962	15.347.232.962
Công ty TNHH Azbil Việt nam	-	-	3.319.793.717	3.319.793.717
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	32.624.288.675	32.624.288.675	76.591.579.685	76.591.579.685
Phải trả cho các đối tượng khác				
<b>Cộng</b>	<b>95.840.152.125</b>	<b>95.840.152.125</b>	<b>215.825.096.803</b>	<b>215.825.096.803</b>
Dài hạn:				
Công ty TNHH Azbil Việt nam	11.464.261.987	11.464.261.987	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.464.261.987</b>	<b>11.464.261.987</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 31/03/2019 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2019 VND</b>
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Công nghệ Sửa chữa và Sản xuất Vật tư Kỹ thuật Trang bị Thông tin Quân sự Thế hệ mới	12.184.160.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Argibank	4.320.000.000	3.168.206.000
Công ty Quản lý Bay Miền Nam - Chi Nhánh Tổng		
Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	3.922.882.946	3.922.882.946
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc - Chi Nhánh Tổng		
Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	2.660.058.230	2.660.058.230
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam	988.937.410	988.937.410
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	860.791.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Thương mại	539.054.560	-
Công ty Cổ Phần Thương mại - Dịch vụ Phong Vũ	-	6.225.639.300
Các khách hàng khác	15.462.467.114	18.993.376.675
<b>Cộng</b>	<b>40.938.352.060</b>	<b>35.959.100.561</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.14. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2019		Phải nộp trong kỳ VND	Đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	Tại ngày 31/03/2019	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.661.960.728	74.807.529.486	77.528.567.713	-	940.922.501
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	32.584.402	32.523.687	-	60.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.175.025.343	271.241.985	675.313.309	1.118.964.373	1.564.180.636	216.746.214
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.015.447.781	1.390.665.900	1.663.988.849	-	742.124.832
Khác	-	3.442.212.212	1.363.903.471	1.277.553.138	-	3.528.562.545
<b>Cộng</b>	<b>1.175.025.343</b>	<b>8.390.862.706</b>	<b>78.269.996.568</b>	<b>81.621.597.760</b>	<b>1.564.180.636</b>	<b>5.428.416.807</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước chi phí tương ứng với doanh thu dự án đã thực hiện	5.184.753.065	5.637.131.286
Chi phí phải trả khác	333.421.224	492.990.375
<b>Cộng</b>	<b>5.518.174.289</b>	<b>6.130.121.661</b>
Dài hạn:		
Phải trả cho chủ đầu tư tòa nhà	145.158.188	127.219.542
<b>Cộng</b>	<b>145.158.188</b>	<b>127.219.542</b>

**4.16. Doanh thu chưa thực hiện**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Cung cấp dịch vụ Internet cho Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng	4.516.309.109	3.968.610.749
Nhận trước tiền thuê thiết bị từ Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán	1.817.812.772	1.068.560.606
Nhận trước tiền thuê thiết bị từ Công ty TNHH Một Thành Viên Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	-	968.231.320
Khác	-	67.413.999
<b>Cộng</b>	<b>6.334.121.881</b>	<b>6.072.816.674</b>

**4.17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	1.409.887.969	1.387.152.770
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	511.919.892	515.460.000
Tiền bảo hiểm còn phải trả	175.253.163	25.791.716
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông khác	2.394.153.800	5.355.694.999
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.895.689.725	2.686.703.233
<b>Cộng</b>	<b>7.386.904.549</b>	<b>9.970.802.718</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.18. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2019		Trong kỳ		Tại ngày 31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	310.717.967.099	310.717.967.099	217.860.315.095	178.310.232.946	350.268.049.248	350.268.049.248
Vay đối tượng khác	1.558.284.726	1.558.284.726	-	376.795.500	1.181.489.226	1.181.489.226
Vay dài hạn đến hạn trả	3.109.234.312	3.109.234.312	3.084.294.312	3.109.234.312	3.084.294.312	3.084.294.312
<b>Cộng</b>	<b>315.385.486.137</b>	<b>315.385.486.137</b>	<b>220.944.609.407</b>	<b>181.796.262.758</b>	<b>354.533.832.786</b>	<b>354.533.832.786</b>
Dài hạn:						
Nợ thuê tài chính	7.113.746.880	7.113.746.880	-	771.073.578	6.342.673.302	6.342.673.302
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(3.109.234.312)	(3.109.234.312)	(3.084.294.312)	(3.109.234.312)	(3.084.294.312)	(3.084.294.312)
<b>Cộng</b>	<b>4.004.512.568</b>	<b>4.004.512.568</b>	<b>(3.084.294.312)</b>	<b>(2.338.160.734)</b>	<b>3.258.378.990</b>	<b>3.258.378.990</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>319.389.998.705</b>	<b>319.389.998.705</b>	<b>217.860.315.095</b>	<b>179.458.102.024</b>	<b>357.792.211.776</b>	<b>357.792.211.776</b>

Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất từ 5,8%/năm đến 10,9%/năm đối với VND. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U.14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty mẹ với giá trị còn lại lần lượt là 8.492.118.700 đồng và 7.846.731.853 đồng – Xem thêm mục 4.7 và mục 4.11;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, số tiết kiệm, số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Nợ thuê tài chính dài hạn là các khoản vay theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam có thời hạn 3 năm, lãi suất 7,5%/năm.

Vay đối tượng khác là khoản vay cá nhân kỳ hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2018	90.000.000.000	-	-	891.511.252	35.027.685.123	12.736.488.172	138.655.684.547		
Tăng vốn trong năm trước	8.999.060.000	-	-	-	-	2.350.000.000	11.349.060.000		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.636.363.048	2.122.731.412	13.759.094.460		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.999.060.000)	(3.170.552.349)	(21.169.612.349)		
Trích quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-		
Sử dụng quỹ	-	-	-	(573.585.969)	-	-	(573.585.969)		
Tăng khác	-	-	-	122.214.487	70.005.872	-	192.220.359		
Tại ngày 01/01/2019	98.999.060.000	-	-	3.440.139.770	25.734.994.043	14.038.667.235	142.212.861.048		
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(3.035.564.014)	(648.760.941)	(3.684.324.955)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.899.906.000)	-	(9.899.906.000)		
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(3.674.570.091)	-	(3.674.570.091)		
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>98.999.060.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.440.139.770</b>	<b>9.124.953.938</b>	<b>13.389.906.294</b>	<b>124.954.060.002</b>		

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	18.878.930.000	18.878.930.000
Cổ đông khác	80.120.130.000	80.120.130.000
<b>Cộng</b>	<b>98.999.060.000</b>	<b>98.999.060.000</b>

**4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp đầu năm	98.999.060.000	90.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	8.999.060.000
<b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>98.999.060.000</b>	<b>98.999.060.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.899.906.000	17.999.060.000

**4.19.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.899.906	9.899.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.899.906	9.899.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.899.906	9.899.906

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.19.5. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	(3.035.564.014)	11.636.363.048
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi/lỗ để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	(3.035.564.014)	11.636.363.048
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	9.899.906	9.426.531
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(307)</b>	<b>1.234</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	100.270,60	23.433,42

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	129.481.031.456	721.944.262.594
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.645.751.775	259.804.236.082
Doanh thu khác	3.760.663.019	2.362.407.725
<b>Cộng</b>	<b>186.887.446.250</b>	<b>984.110.906.401</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	60.000.000	420.000.000

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	105.846.315.928	665.516.515.257
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.459.737.585	179.889.505.184
Khác	2.365.364.987	1.091.249.459
<b>Cộng</b>	<b>152.671.418.500</b>	<b>846.497.269.900</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.664.888	3.042.659.326
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.581.375	232.123.953
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	30.177.113	280.323.460
<b>Cộng</b>	<b>433.423.376</b>	<b>3.555.106.739</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
Lãi tiền vay	5.378.419.625	19.988.975.869
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.710.667	1.189.256.829
Dự phòng tổn thất đầu tư	60.344.944	-
Chi phí tài chính khác	10.010.839	50.551.164
<b>Cộng</b>	<b>5.482.486.075</b>	<b>21.228.783.862</b>

**5.5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết**

	<b>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
Lỗ ghi nhận từ kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh liên kết	1.057.834.746	-
<b>Cộng</b>	<b>1.057.834.746</b>	<b>-</b>

**5.6. Chi phí bán hàng**

	<b>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
Chi phí lương nhân viên	5.393.600.861	19.893.150.555
Chi phí đồ dùng văn phòng	207.866.517	841.461.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.358.333	163.252.897
Chi phí bảo hành	4.261.072	557.683.198
Chi phí Pre-sales	3.276.126.692	1.582.613.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.117.888.609	3.678.621.090
Chi phí bằng tiền khác	1.701.137.045	8.967.887.638
<b>Cộng</b>	<b>11.715.239.129</b>	<b>35.684.670.458</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.145.995.326	52.419.123.690
Chi phí vật liệu quản lý	842.861.904	2.136.305.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.315.142.577	3.084.018.425
Thuế, phí và lệ phí	12.132.357	379.834.558
Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng	368.827.863	2.969.622.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.694.516.679	8.033.325.253
Chi phí bằng tiền khác	1.571.893.902	10.501.350.699
<b>Cộng</b>	<b>18.951.370.608</b>	<b>79.523.580.674</b>

**5.8. Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	291.953.103	9.437.585.964
Thu phạt hợp đồng	636.363	-
Thu nhập khác	296.037.132	2.705.267.980
<b>Cộng</b>	<b>588.626.598</b>	<b>12.142.853.944</b>

**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.547.812.179	671.017.852.404
Chi phí nhân công	17.941.436.783	72.756.227.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.544.495.644	30.883.303.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.798.440.047	158.285.957.187
Chi phí khác bằng tiền	7.505.843.584	28.762.179.811
<b>Cộng</b>	<b>183.338.028.237</b>	<b>961.705.521.032</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN được áp dụng tại từng công ty trong Tập đoàn.

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	675.313.309	1.175.133.512
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	172.473.579
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>675.313.309</b>	<b>1.347.607.091</b>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(2.689.769.858)	15.204.979.397
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	33.030.145	507.725.135
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(32.823.974)	-
Thu nhập không bị tính thuế	-	(7.759.624.792)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(2.689.563.687)	7.953.079.740
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi – thuế suất 10%	-	13.535.376.904
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi – thuế suất 20%	3.376.566.547	4.174.202.630
Lỗ không tính thuế	(6.066.130.234)	(9.756.499.794)
Chi phí thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi – thuế suất 10%	-	1.353.537.691
Chi phí thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi – thuế suất 20%	675.313.309	834.840.526
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm (50%) theo đối với doanh nghiệp Khoa học Công nghệ	-	(340.292.986)
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm cho thu nhập từ dự án "Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống" tại Công viên phần mềm Quang Trung	-	(672.951.719)
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>675.313.309</b>	<b>1.175.133.512</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN:

- Chi phí không có hóa đơn chứng từ;
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ;
- Các khoản phạt thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	217.860.315.095	758.650.562.318

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(178.687.028.446)	(698.678.184.336)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Công ty liên kết
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	462.000.000	462.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	66.000.000	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.3</b>	<b>528.000.000</b>	<b>462.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	60.000.000	420.000.000
Góp vốn:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	-	2.400.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	-	1.960.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	775.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>775.000.000</b>	<b>5.860.000.000</b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập	2.998.881.647	13.252.636.978

**9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	127.869.600	216.578.400

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH**

Công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	3.084.294.312	3.109.234.312
Trên 1 năm đến 5 năm	3.258.378.990	4.004.512.568
<b>Cộng</b>	<b>6.342.673.302</b>	<b>7.113.746.880</b>

**11. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 số 03/NQ-ĐHCD-2019 ngày 22/04/2019, Tập đoàn chính thức chuyển đổi kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm hiện hành và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo, do vậy báo cáo tài chính của năm chuyển đổi này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019. Những thông tin năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tương ứng với số liệu của báo cáo tài chính của năm trước từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

**12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lê Hồng Phong**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

**Bùi Thị Thúy Hồng**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Ngọc Nam**  
**Người lập**